TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2019/DS-PT.
Ngày: 07/11/2019
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;
Ông Đặng Văn Quyết.
Thư ký phiên toà: Ông Dương Đình Hưng - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng– Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2019/TLPT- DS ngày 17/9/2019 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DSSTngày 31/7/2019 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2019/QĐ-PT ngày 21/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Hữu H, sinh năm 1974, (có mặt).
Nơi cư trú: Khu Lê Hồng Ph, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987, (có mặt).
Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Anh Hà Mạnh H2, sinh năm 1985, chồng chị H1, (vắng mặt).
Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Người làm chứng: Anh NguyễnTrường H3, sinh năm 1977, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Làng Ch, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là anh Trần Hữu H đã trình bày: Ngày 03/01/2018 chị **Nguyễn Thị H1** đã ký Giấy biên nhận vay của anh 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 30/5/2018, hai bên không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay tiền là để chị H1 lo việc của anh Hà Mạnh H2, (chồng chị H1). Nay đã đến hạn trả nợ, anh đã nhiều lần đòi tiền chị H1 nhưng chị H1 không trả tiền cho anh. Anh yêu cầu chị H1 trả cho anh 100.000.000 đồng tiền gốc, anh không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh đã thay đổi về đối tượng khởi kiện, anh yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị H1, anh Hà Mạnh H2 phải trả cho anh 100.000.000 đồng tiền gốc.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H1 đã trình bày: Chị là vợ của anh Hà Mạnh H2. Chị đang công tác tại UBND huyện H. Đầu năm 2018, anh Trần Hữu H và một số người đã đến gặp và ép chị phải ký giấy vay tiền của anh H với tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng. Theo anh H đã nói thì do anh H2 chồng chị đã vay tiền của anh H trước đó và anh H2 không trả được tiền cho anh H. Mặc dù chị cũng không biết việc anh H2 có vay tiền của anh H hay không nhưng chị cũng đã ký vào Giấy vay tiền vì chị không muốn sự việc ảnh hưởng đến công việc của anh H2 và chị. Thực chất thì chị không nợ tiền của anh H nên chị không đồng ý trả tiền cho anh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Mạnh H2 đã trình bày: Anh là chồng chị Nguyễn Thị H1. Từ năm 2015 đến năm 2016 anh có nợ anh Trần Hữu H (quê ở huyện L) 100.000.000 đồng và anh có viết giấy nợ với anh H. Anh đã trả tiền cho anh H khoảng 08 lần, mỗi lần trả là 9.000.000 đồng nhưng việc trả nợ không lập thành văn bản. Ngày 31/01/2018, anh H đã đến thị trấn Thắng ép buộc chị H1 ký giấy vay nợ anh H 100.000.000 đồng chứ chị H1 không vay tiền của anh H. Nay, anh xác định anh chỉ còn nợ anh H 30.000.000 đồng. Anh sẽ trả dần tiền cho anh H số tiền trên, anh đề nghị được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Trường H3 đã trình bày: Ngày 03/01/2018, anh đã chứng kiến việc chị Nguyễn Thị H1 vay anh Trần Hữu H số tiền 100.000.000 đồng; chị H1 đã nhận đủ tiền và ký vào Giấy biên nhận của anh H.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DSST ngày 31/7/2019 của Toà án nhân dân huyện H đã áp dụng khoản 2, Điều 288, khoản 2, Điều 468, Điều 470, điểm c, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 146, 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1, Điều 228, các Điều 271 và Điều 273 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hữu H: Buộc chị Nguyễn Thị H1 và anh Hà Mạnh H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H 100.000.000 đồng tiền gốc.

Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Hà Mạnh H2 phải liên đới chịu án phí dân sự là 5.000.000 đồng.

Hoàn trả anh Trần Hữu H 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo bBên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001073 ngày 07/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, lãi suất chậm thi hành án và quyền thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 14/8/2019, chị Nguyễn Thị H1 nộp đơn kháng cáo.

Ngày 15/8/2019, anh Hà Mạnh H2 nộp đơn kháng cáo.

Chị H1 và anh H2 đều không đồng ý trả tiền cho anh H.

Ngày 13/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện H có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị sửa bản án theo hướng không buộc anh Hà Mạnh H2 phải trả tiền cho anh Trần Hữu H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là anh Trần Hữu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Hà Mạnh H2 vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Chị Nguyễn Thị H1 đã trình bầy: Việc anh H ép buộc chị ký giấy vay tiền là có thật, chị xin nộp cho Tòa án bản phô tô in phần tin nhắn từ số điện thoại 0915811005 vào máy điện thoại di động của chị có nội dung đe dọa chị trước ngày chị phải ký giấy vay tiền với anh H. Nay, chị đồng ý trả cho anh H 30.000.000 đồng trong thời gian là 3 tháng.

Anh Trần Hữu H đồng ý về việc chị Nguyễn Thị H1 sẽ trả cho anh số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Hà Mạnh H2.

- Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc: Chị Nguyễn Thị H1 trả cho anh Trần Hữu H số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại giấy vay tiền ngày 03/01/2018 do anh Trần Hữu H xuất trình đã thể hiện: Chị Nguyễn Thị H1 đã vay của anh Trần Hữu H 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 30/5/2018, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Theo anh H đã trình bầy thì do chị H1 không trả tiền cho anh nên anh H đã khởi kiện đòi tiền của chị H1. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H lại yêu cầu vợ chồng chị H1, anh Hà Mạnh H2 (chồng chị H1) cùng phải trả tiền cho anh H.

Chị H1 không đồng ý trả tiền cho anh H vì lý do anh H đã ép buộc chị H1 ký giấy biên nhận nợ.

Bản án sơ thẩm đã buộc vợ chồng chị H1, anh H2 phải trả 100.000.000 đồng cho anh H

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị H1 và anh Hà Mạnh H2 nộp đơn kháng cáo về việc không đồng ý trả tiền cho anh H.

Ngày 13/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện H có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị sửa bản án theo hướng không buộc anh Hà Mạnh H2 (chồng chị H1) phải trả tiền cho anh Trần Hữu H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh H2 vắng mặt không có lý do; anh Trần Hữu H và chị Nguyễn Thị H1 cùng thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể là: Chị H1 phải trả cho anh H 30.000.000 đồng trong thời hạn là 3 tháng.

- Về việc vắng mặt của anh H2, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H2 là người kháng cáo đã được Tòa án tống đạt Giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Cần căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312

BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh H2. Anh H2 phải chịu án phí DSPT.

- Về việc thỏa thuận của các đương sự có nội dung: Chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho anh Trần Hữu H số tiền 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận của anh H và chị H1 hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Cần áp dụng Điều 300 BLTTDS chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung trên.

- Đối với thời hạn trả nợ mà 2 bên đã thỏa thuận là trong 3 tháng chị H1 sẽ trả hết số tiền 30.000.000 đồng cho anh H thì các bên có thể thỏa thuận với nhau tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí DSST của chị H1 được xác định lại đối với số tiền mà chị H1 phải thi hành là 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Hà Mạnh H2.

Áp dụng khoản 2, Điều 308, Điều 300 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của chi Hưng; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H; chấp nhận sự thỏa thuận của anh H và chị H1: Sửa bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng khoản 2, Điều 288, khoản 2, Điều 468, Điều 470, điểm c, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự; các Điều 144, 146, 147, khoản 1, Điều 227,khoản 1, Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án xử :

+ Chị Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả anh Trần Hữu H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc.

+ Về án phí DSST:

- Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả anh Trần Hữu H 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0001073 ngày 07/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

+ Về án phí DSPT:

- Anh Hà Mạnh H2 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh H2 đã nộp đủ số tiền trên tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí kháng cáo số AA/2017/0000015 ngày 23/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0000016 ngày 23/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện H;
-Chi cục THADS huyện H;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền